CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Cơ điện Công trình

Ngày 31/03/2025	10,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0%	**0%**	**0%**

DT thuần
Q1/25
0.47
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.11| -70.3%
YoY: ▲ 0.03| 6.8%

LN thuần
Q1/25
-0.52
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.33| -176%
YoY: ▼0.07| -16.5%

LN sau thuế
Q1/25
-0.52
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.33| -176%
YoY: ▼0.07| -16.5%

Tỷ suất lãi EBIT
Q1/25
-112%
YoY: +/-▼ 99.3%

ROE (TTM)
Q1/25
-0.5%
YoY: +/-▼ 0.0%

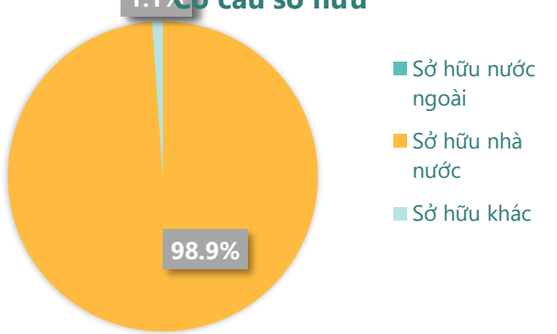
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	10,000 - 10,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	186
Số lượng CPLH (CP)	18,600,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	-
EPS	-45
P/E	-224.4

DT thuần
2024
3.37
tỷ VNĐ
YoY: ▼2.59| -43.4%

LN thuần
2024
-1.00
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 7.00| 87.5%

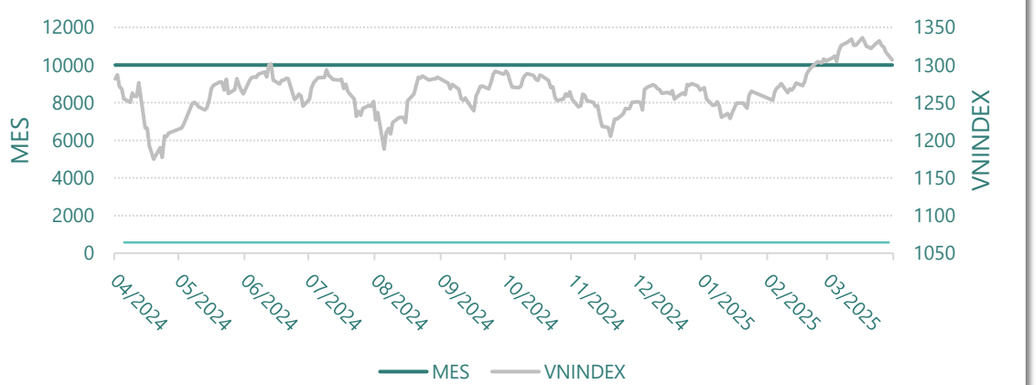
LN sau thuế
2024
-0.76
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 7.27| 90.6%

Cơ cấu sở hữu

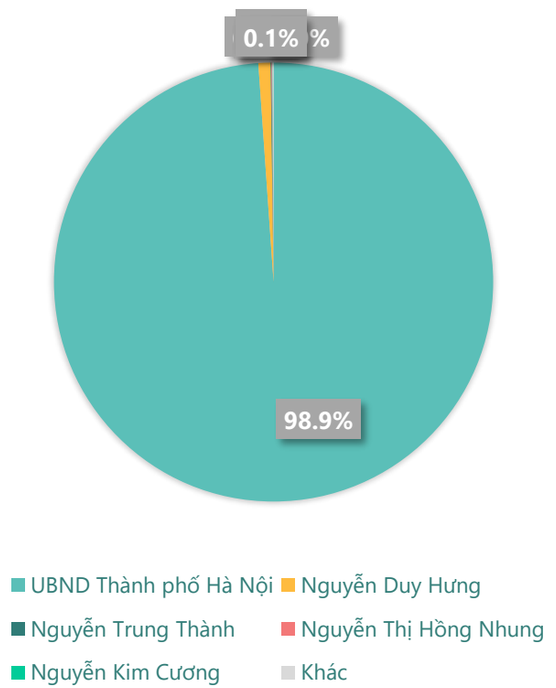


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



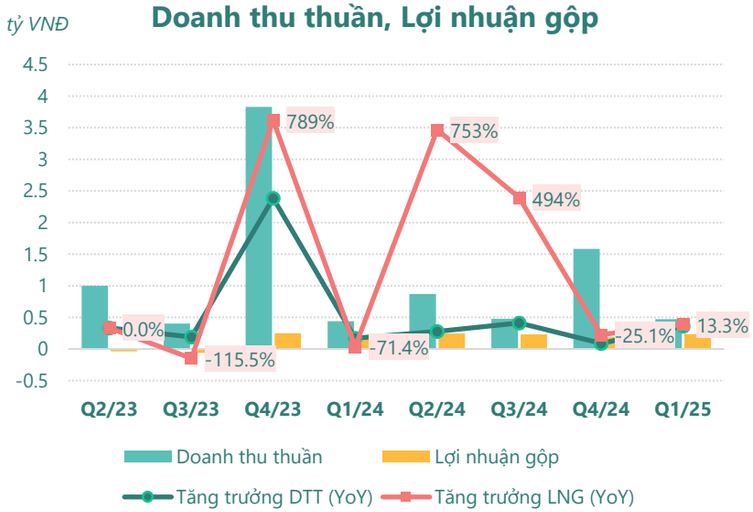
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

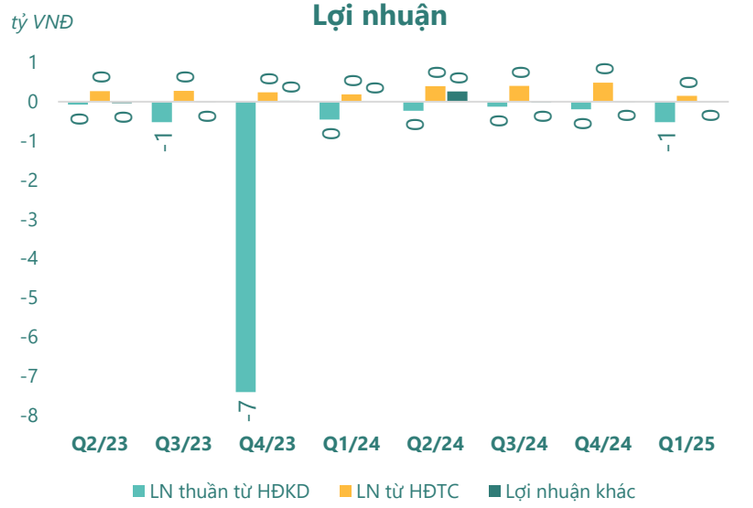
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



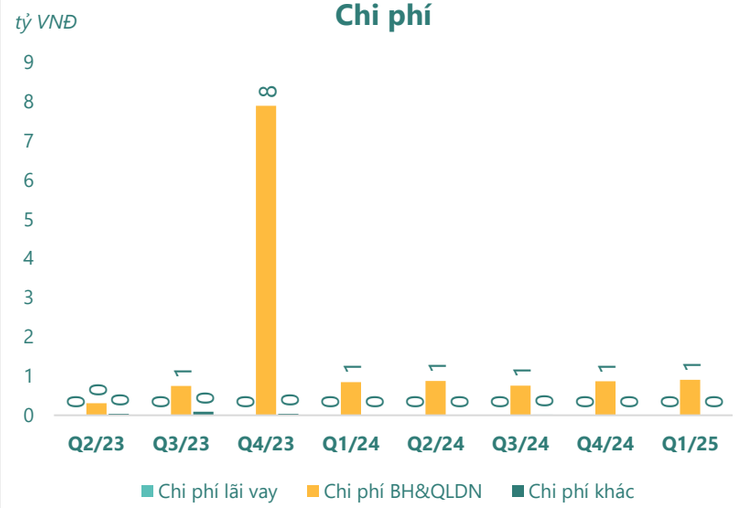
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



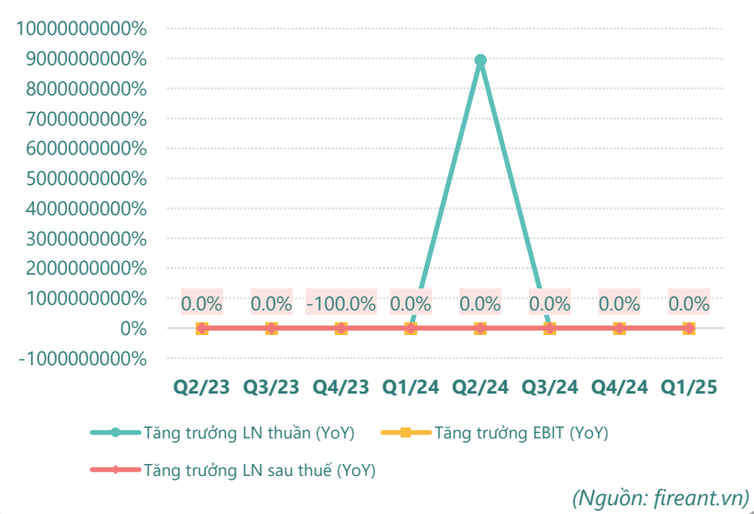
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



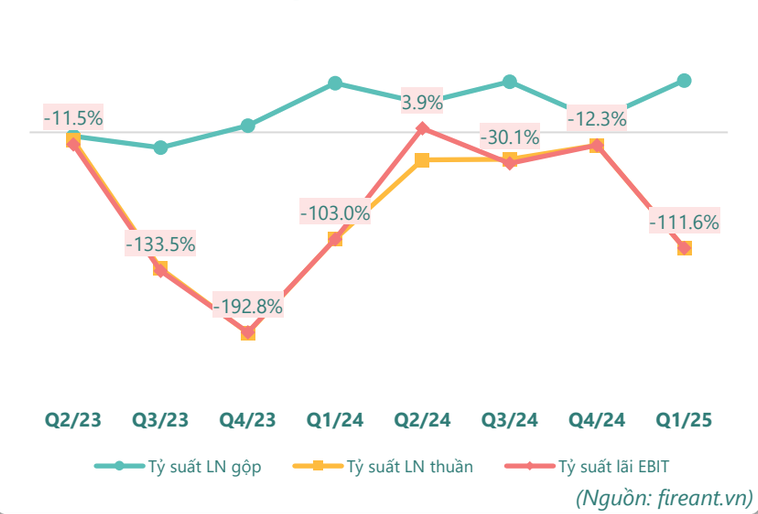
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



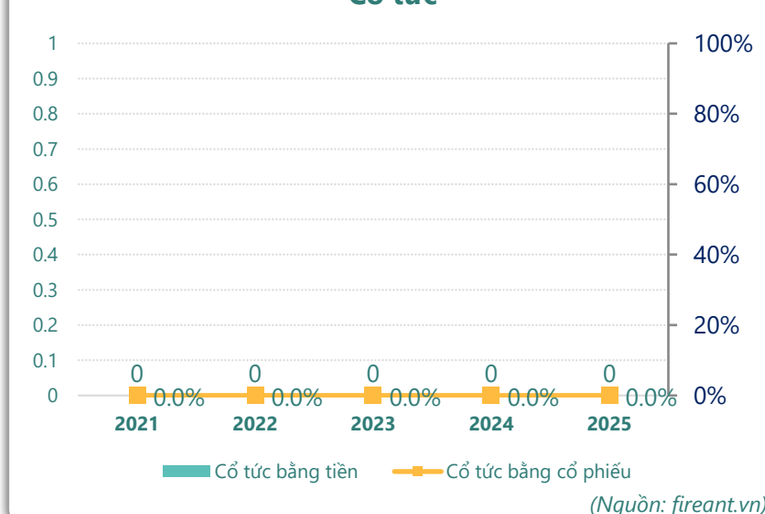
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



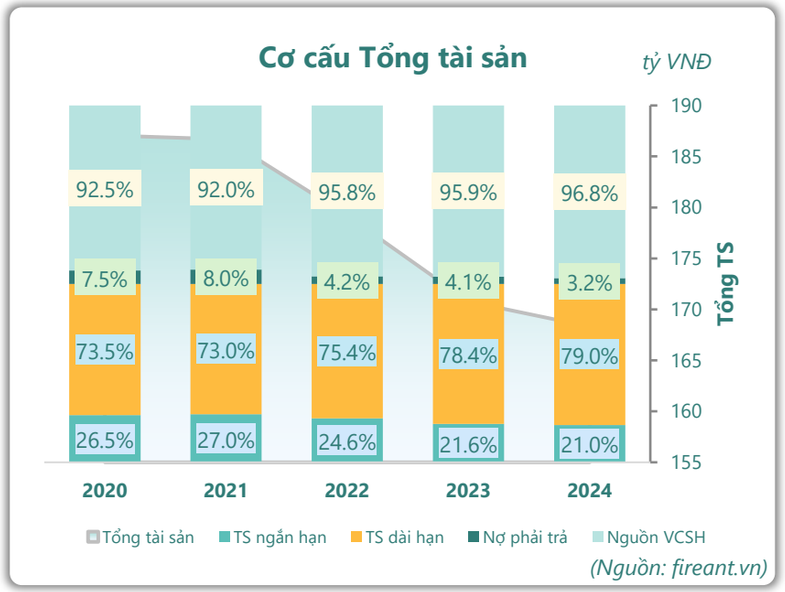
(Nguồn: fireant.vn)

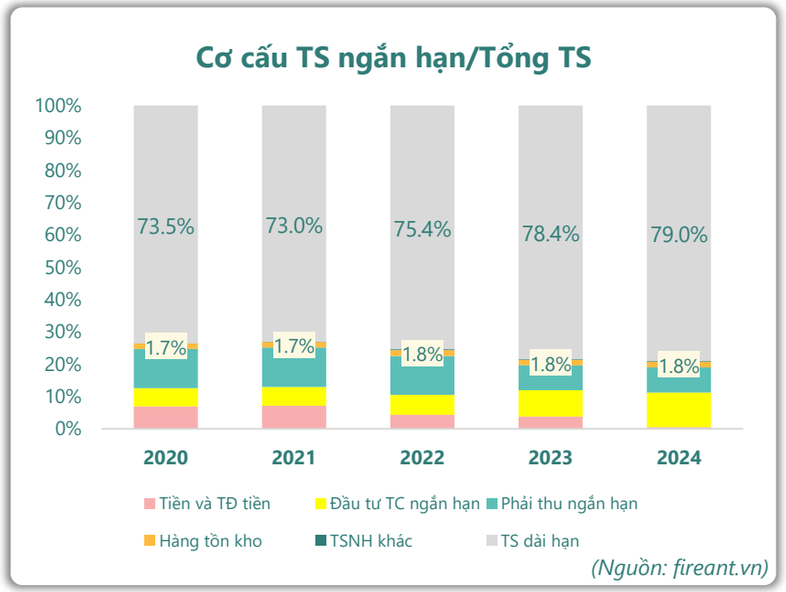
Cổ tức

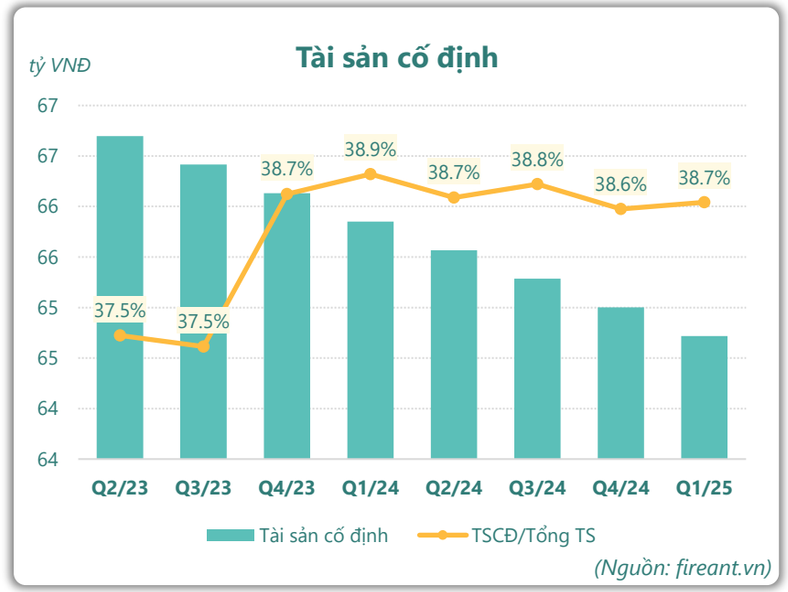


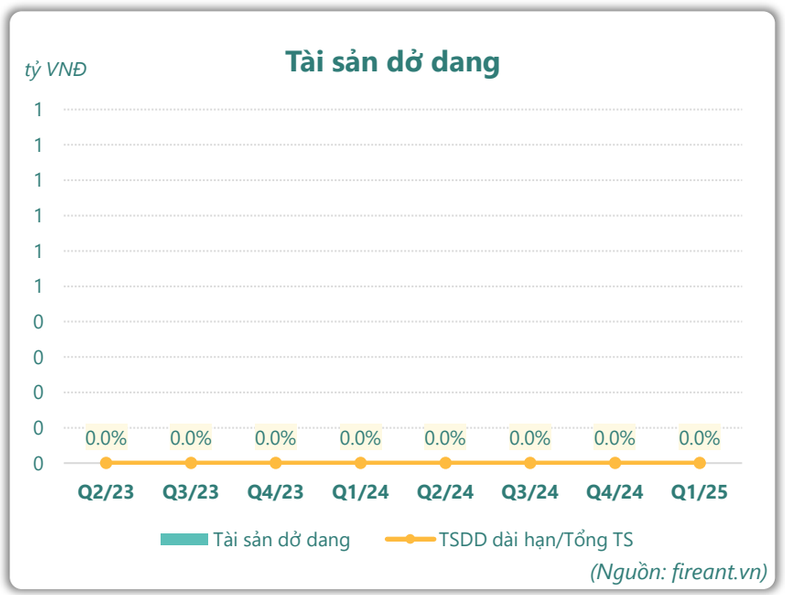
(Nguồn: fireant.vn)

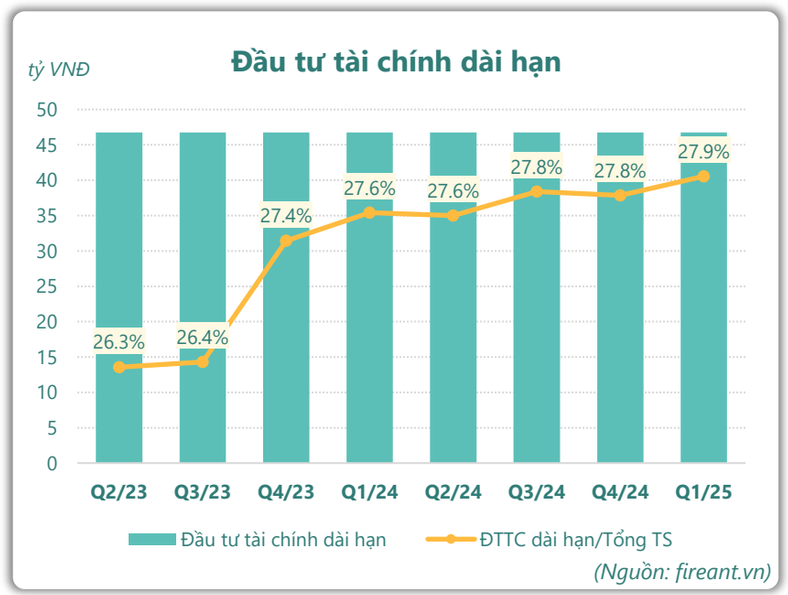
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

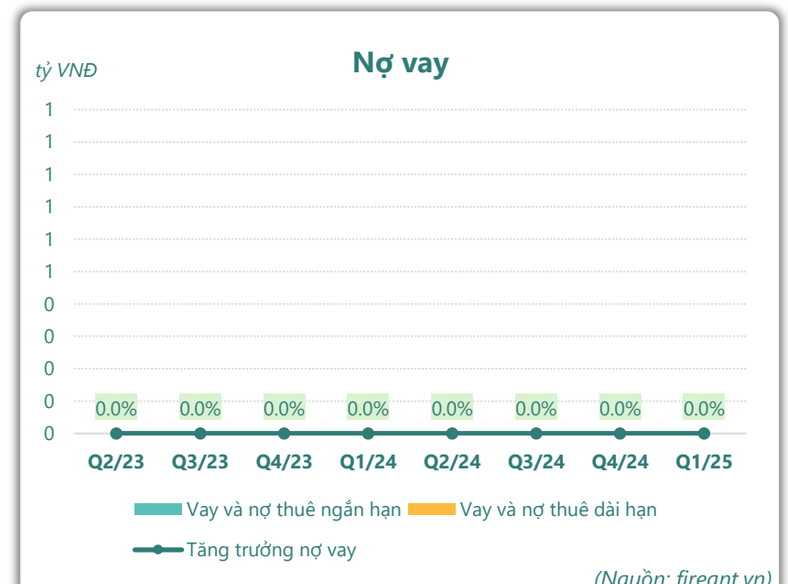






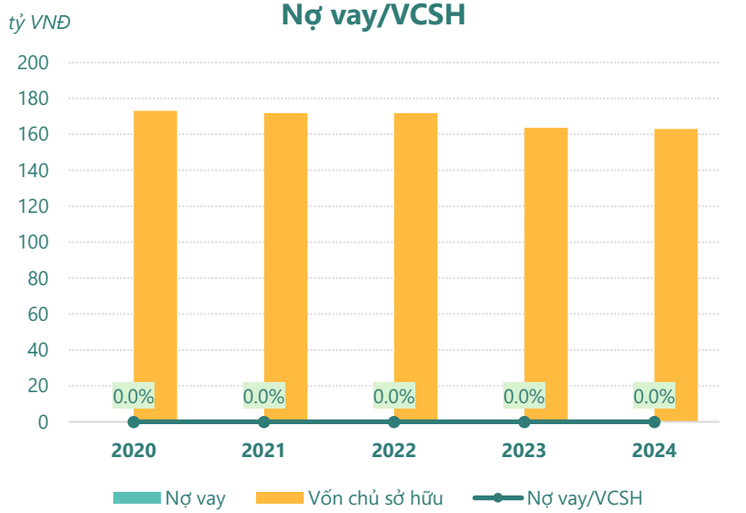






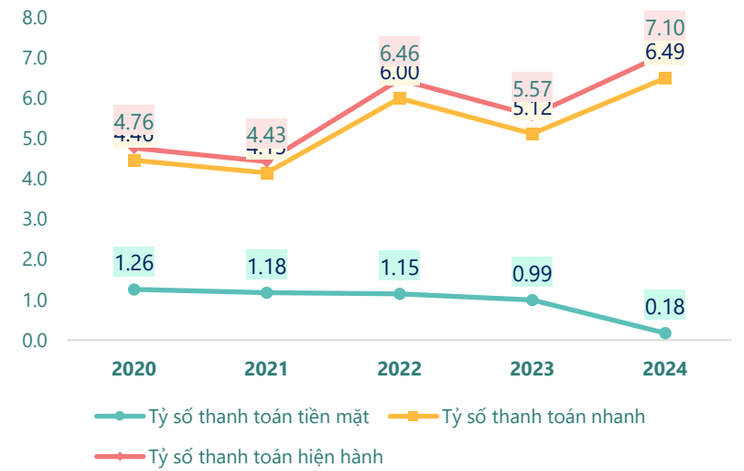
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



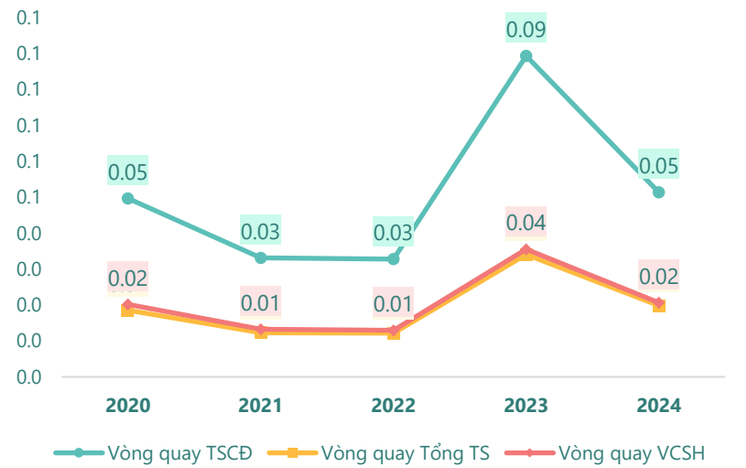
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



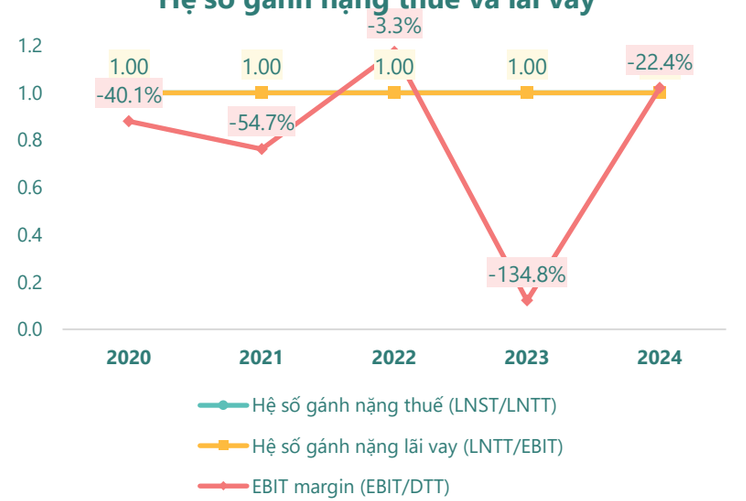
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



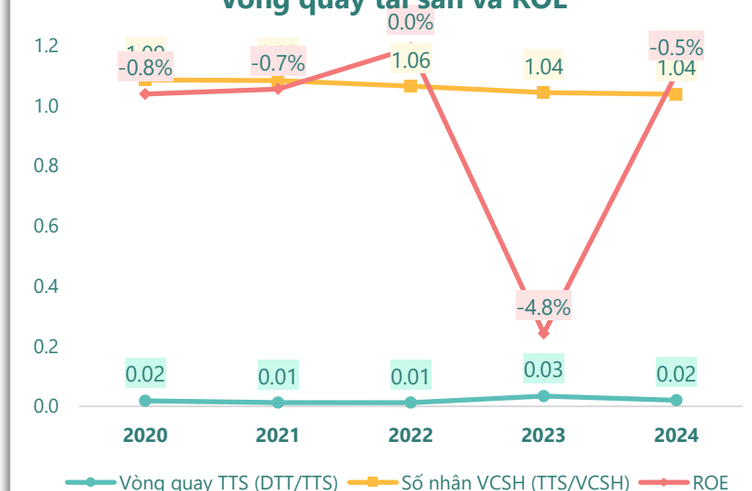
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



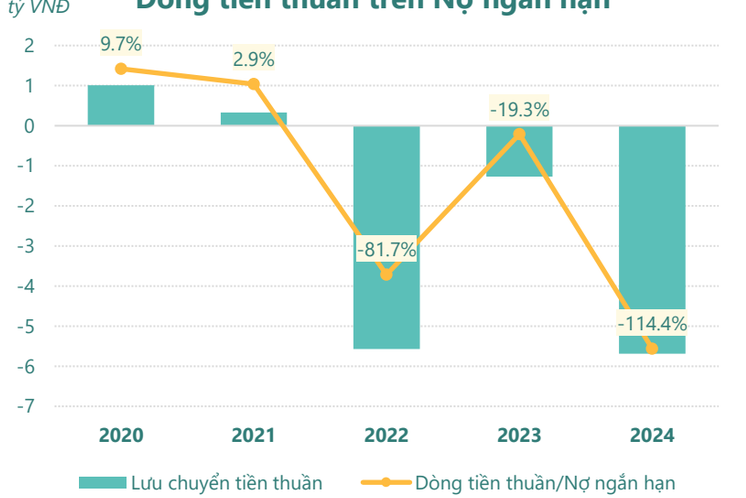
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**0.47**	**0.44**	**6.8%**	**3.37**	**5.96**	**-43.4%**
Giá vốn hàng bán	0.23	0.23	2.0%	2.49	5.08	-50.9%
Lợi nhuận gộp	0.24	0.21	12.0%	0.88	0.88	-0.5%
Doanh thu HĐTC	0.15	0.19	-22.2%	1.47	1.03	42.3%
Chi phí TC	0	0.00		0.00	0.00	2063%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.06	0.06	6.2%	0.22	0.38	-41.3%
Chi phí QLDN	**0.84**	**0.79**	**6.8%**	**3.13**	**9.54**	**-67.2%**
LN thuần từ HĐKD	-0.52	-0.45	-16.5%	-1.00	-8.00	87.5%
Lợi nhuận khác	**0.00**	**0.00**		**0.24**	**-0.03**	**996%**
LN trước thuế	-0.52	-0.45	-16.5%	-0.76	-8.03	90.6%
Lợi nhuận sau thuế	**-0.52**	**-0.45**	**-16.5%**	**-0.76**	**-8.03**	**90.6%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-0.52**	**-0.45**	**-16.5%**	**-0.76**	**-8.03**	**90.6%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-0.13	-0.83	-0.65	-1.89	-0.70	-0.17
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.04	-0.48	-1.95	5.38	-0.16	-0.05
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	2.24	2.15	0.84	2.65	1.73	0.87
Lưu chuyển tiền thuần	**-0.09**	**-1.31**	**-2.60**	**3.49**	**-0.86**	**-0.21**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0.00	0.00	0	0
Tiền cuối kỳ	2.15	0.84	2.65	1.73	0.87	0.66

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**167**	**168**	**-0.6%**
Tài sản ngắn hạn	34.6	35.3	-2.0%
Tiền và tương đương tiền	0.66	0.87	-24.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	18.3	18.1	1.1%
Phải thu ngắn hạn	12.4	13.0	-5.2%
Hàng tồn kho	3.00	3.00	0.0%
Tài sản ngắn hạn khác	0.30	0.29	2.1%
Tài sản dài hạn	**133**	**133**	**-0.2%**
Phải thu dài hạn	21.3	21.3	0.0%
Tài sản cố định	64.7	65.0	-0.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	46.7	46.7	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**0**	**0**	
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	4.88	5.33	-8.4%
Nợ ngắn hạn	**4.52**	**4.97**	**-9.0%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	2.60	3.02	-13.8%
Nợ dài hạn	0.36	0.36	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**162**	**163**	**-0.3%**
Vốn chủ sở hữu	**162**	**163**	**-0.3%**
Vốn điều lệ	186	186	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)